

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1709/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Hợp phần 2 - Đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế tại một số bệnh viện tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa (thuộc dự án “Tăng cường hệ thống y tế tỉnh, huyện - tỉnh Thanh Hóa, chu kỳ V”, sử dụng nguồn vốn ODA của Chính phủ Đức)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/3/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 03/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án "Tăng cường hệ thống y tế tỉnh, huyện - tỉnh Thanh Hóa, chu kỳ V" sử dụng nguồn vốn ODA của Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức;

Căn cứ Văn bản số 9314/UBND-VX ngày 03/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc chủ trương điều chỉnh BCNCKT Dự án tăng cường hệ thống y tế tỉnh, huyện - tỉnh Thanh Hóa, chu kỳ V; Văn bản số 12863/UBND-NN ngày 16/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện điều chỉnh BCNCKT Dự án tăng cường hệ thống y tế tỉnh, huyện - tỉnh Thanh Hóa, chu kỳ V, hợp phần 2;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 3480/TTr-SYT ngày 20/12/2018 của Sở Y tế về việc xin phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án “Tăng cường hệ thống y tế tỉnh, huyện tỉnh Thanh Hóa chu kỳ V”;

Theo đề nghị tại Báo cáo kết quả thẩm định số 1020/SKHĐT-TĐ ngày 27/02/2019 và số 2505/SKHĐT-TĐ ngày 06/5/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Hợp phần 2 - Đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế tại một số bệnh viện tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa (thuộc dự án “Tăng cường hệ thống y tế tỉnh, huyện - tỉnh Thanh Hóa, chu kỳ V”, sử dụng nguồn vốn ODA của Chính phủ Đức) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung

a) Điều chỉnh tên hợp phần 2 của dự án từ “*Đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý chất thải rắn và hệ thống xử lý nước thải y tế tại một số bệnh viện tuyến tỉnh và bệnh viện tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa*” thành “*Đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế tại một số bệnh viện tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa*”.

b) Điều chỉnh nội dung đầu tư Hợp phần 2 như sau:

- Không đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn y tế theo mô hình tập trung cho các cơ sở y tế trên địa bàn thành phố Thanh Hóa và các huyện.

- Điều chỉnh công nghệ xử lý nước thải tại các Bệnh viện đa khoa các huyện (Đông Sơn, Cẩm Thủy, Bá Thước, Thọ Xuân và Nga Sơn) từ công nghệ AAO kết hợp vi lọc bằng tải sang công nghệ AAO sử dụng giá thể vi sinh di động (MBBR).

- Điều chỉnh công suất xử lý nước thải tại Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Thủy từ 200 m³/ngày đêm thành 150 m³/ngày đêm.

- Bổ sung đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại BVĐK huyện Bá Thước công suất 150 m³/ngày đêm, sử dụng công nghệ AAO sử dụng giá thể vi sinh di động (MBBR).

- Bổ sung đầu tư nâng cấp, sửa chữa hệ thống thu gom nước thải cho các bệnh viện thụ hưởng.

c) Tổng mức đầu tư hợp phần 2: **61.960 triệu đồng** (tương đương 2.136.556 ERO).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 6.925 triệu đồng;
- Chi phí thiết bị: 42.350 triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 842 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD: 6.003 triệu đồng;
- Chi phí khác: 678 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng: 5.162 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ biểu kèm theo)

d). Nguồn vốn: Vốn ODA 1.830.000 ERO, tương đương 53.070 triệu đồng, vốn đối ứng của tỉnh: 306.556 ERO, tương đương 8.890 triệu đồng.

2. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định số 718/QĐ-UBND ngày 03/3/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

Sở Y tế (chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

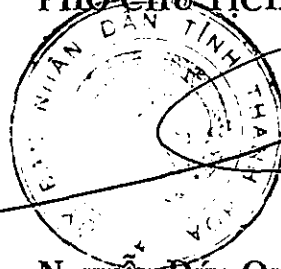
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Y tế; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

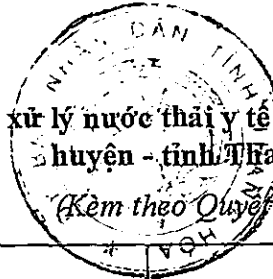
Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

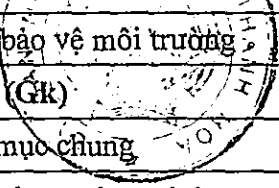


Phụ biểu: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ HỢP PHẦN 2

Đầu tư, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải y tế tại một số bệnh viện tuyến huyện, tỉnh Thanh Hóa (thuộc dự án “Tăng cường hệ thống y tế tỉnh, huyện - tỉnh Thanh Hóa, chu kỳ V”, sử dụng nguồn vốn ODA của Chính phủ Đức)

(Kèm theo Quyết định số: 1709/QĐ-UBND ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

ST T	Nội dung chi phí	Cách tính	Thành tiền (triệu đồng)	Thành tiền (Euro)	Trong đó:			
					Vốn ODA		Vốn đối ứng	
					Triệu đồng	Euro	Triệu đồng	Euro
	Tổng cộng	I+II+III+IV+V+VI	61.960,0	2.136.556,0	53.070,0	1.830.000,0	8.890,0	306.556,0
I	Chi phí xây dựng	Gxd	6.925,0	238.790,0	2.596,0	89.517,0	4.329,0	149.273,0
II	Chi phí thiết bị	Gtb	42.350,0	1.460.345,0	42.350,0	1.460.345,0		
III	Chi phí quản lý dự án (Gql)	$(Gxd+Gtb)*2,137\%*0,8$	842,0	29.034,0			842,0	29.034,0
IV	Chi phí tư vấn ĐTXD (Gtv)		6.003,0	207.000,0	3.770,0	130.000,0	2.233,0	77.000,0
1	Chi phí khảo sát		352,1	12.141,4			352,1	12.141,4
2	Lập dự án, lập điều chỉnh dự án (hợp phần 2)	Tạm tính	488,5	16.846,0			488,5	16.846,0
3	Lập thiết kế, dự toán	$2,36\%*Gxd$	163,4	5.635,5			163,4	5.635,5
4	Thẩm tra thiết kế	$0,197\%*Gxd$	13,6	470,4			13,6	470,4
5	Thẩm tra dự toán	$0,191\%*Gxd$	13,2	456,1			13,2	456,1
6	Thẩm tra thiết kế công nghệ	Tạm tính	10,0	344,8			10,0	344,8
7	Thẩm định giá thiết bị	Tạm tính	42,4	1.460,3			42,4	1.460,3
8	Lựa chọn nhà thầu	$0,388\%*Gxd+0,196\%*Gtb$	109,9	3.788,8			109,9	3.788,8
9	Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	$2,566\%*Gxd+0,619\%*Gtb$	439,8	15.167,0			439,8	15.167,0
10	Chi phí thuê tư vấn nước ngoài thực hiện	Tạm tính	3.770,0	130.000,0	3.770,0	130.000,0		



11	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Tạm tính	600,0	20.689,7			600,0	20.689,7
V	Chi phí khác (Gk)		678,0	23.380,0	0,0	0,0	678,0	23.380,0
1	Chi phí hạng mục chung		163,6	5.641,4			163,6	5.641,4
2	Bảo hiểm xây dựng công trình	$Gxd*0,25\%$	17,3	597,0			17,3	597,0
3	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	$TMĐT*0,450\%*0,5*0,7$	97,6	3.365,7			97,6	3.365,7
4	Thẩm định thiết kế, dự toán	$0,126\%*Gxd+0,122\%*Gxd$	17,2	592,2			17,2	592,2
5	Thẩm định dự án	$TMĐT*0,043\%$	26,7	919,3			26,7	919,3
6	Thẩm định hồ sơ mời thầu, KQĐT	$(Gxd+Gtb)*0,1\%$	49,3	1.699,1			49,3	1.699,1
7	Kiểm toán dự án	$TMĐT*0,706\%*0,7$	306,4	10.565,7			306,4	10.565,7
VI	Chi phí dự phòng		5.162,0	178.007,0	4.354,0	150.138,0	808,0	27.869,0
1	Chi phí dự phòng vốn ODA		4.354,0	150.137,9	4.354,0	150.137,9		
2	Chi phí dự phòng vốn đối ứng	10%	808,2	27.869,0			808,2	27.869,0